

(Đề thi có 40 câu trắc nghiệm)

Họ và tên học sinh : Số báo danh :

Mã đề 401

Câu 41. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây **không** thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Pu Sam Sao. B. Con Voi. C. Hoàng Liên Sơn. D. Pu Đen Đinh.

Câu 42. Nền kinh tế tri thức được dựa trên

- A. tri thức, kĩ thuật và công nghệ cao. B. công cụ lao động cổ truyền.
C. tri thức và kinh nghiệm cổ truyền. D. kĩ thuật và kinh nghiệm cổ truyền.

Câu 43. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho nhiệt độ trung bình năm của nước ta tăng dần từ Bắc vào Nam?

- A. Lãnh thổ kéo dài theo chiều Bắc – Nam. B. Chịu tác động sâu sắc của biển.
C. Tác động của địa hình. D. Tác động của tín phong Bắc bán cầu.

Câu 44. Vùng kinh tế trọng điểm **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Có tỉ trọng lớn trong GDP của cả nước. B. Bao gồm phạm vi nhiều tỉnh, thành phố.
C. Ranh giới không thay đổi theo thời gian. D. Hội tụ đầy đủ các thế mạnh, thu hút đầu tư.

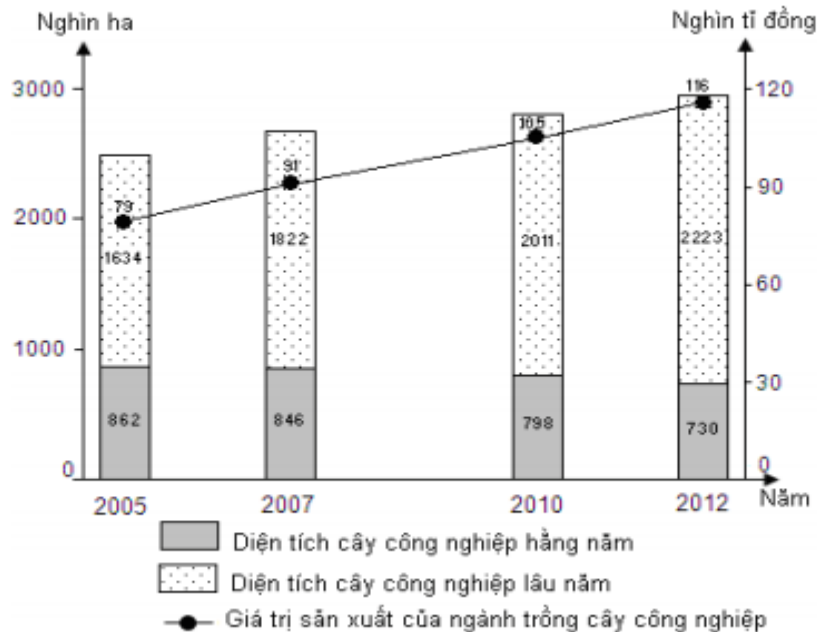
Câu 45. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về ngành công nghiệp năng lượng, giai đoạn 2000-2007?

- A. Sản lượng dầu luôn lớn hơn sản lượng than. B. Sản lượng khai thác than luôn lớn hơn dầu.
C. Sản lượng than tăng nhanh hơn sản lượng dầu. D. Sản lượng dầu tăng nhanh hơn sản lượng điện.

Câu 46. Đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao nhất cả nước do

- A. công nghiệp chế biến phát triển. B. trình độ thâm canh cây lúa cao nhất.
C. dân số đông, nhu cầu lương thực lớn. D. lịch sử trồng lúa lâu đời nhất.

Câu 47. Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH VÀ GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÂY CÔNG NGHIỆP NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2005-2012

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về diện tích và giá trị sản xuất cây công nghiệp nước ta giai đoạn 2005 – 2012?

- A. Diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng, giá trị sản xuất cây công nghiệp giảm.
B. Diện tích cây công nghiệp hàng năm và giá trị sản xuất cây công nghiệp tăng.
C. Tổng diện tích cây công nghiệp và giá trị sản xuất của cây công nghiệp đều tăng.

D. Tổng diện tích cây công nghiệp giảm, giá trị sản xuất của cây công nghiệp tăng.

Câu 48. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết huyện đảo Phú Quốc thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Cà Mau. B. Sóc Trăng. C. Kiên Giang. D. Bạc Liêu.

Câu 49. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết các tuyến đường nào theo hướng Bắc – Nam chạy qua vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quốc lộ 1A và đường 14. B. Quốc lộ 1A và quốc lộ 9.
C. Quốc lộ 1A và đường sắt Bắc – Nam. D. Đường sắt Bắc – Nam và đường Hồ Chí Minh.

Câu 50. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khu vực kinh tế Nhà nước ở nước ta hiện nay?

- A. Ti trọng có xu hướng giảm. B. Quản lí các ngành, lĩnh vực kinh tế then chốt.
C. Chiếm tỉ trọng nhỏ nhất trong cơ cấu GDP. D. Giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Vũng Áng. B. Vân Đồn. C. Nghi Sơn. D. Đình Vũ – Cát Hải.

Câu 52. Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ VÀ KHỐI LƯỢNG CÀ PHÊ XUẤT KHẨU
CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM**

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	1980	1990	2000	2005	2010	2014
Sản lượng cà phê (nhân)	8,4	92	802,5	752,1	1105,7	1408,4
Khối lượng cà phê xuất khẩu	4,0	89,6	733,9	912,7	1184	1691

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng cà phê nhân và khối lượng cà phê xuất khẩu, trong giai đoạn 1980-2014?

- A. Sản lượng cà phê nhân và khối lượng cà phê xuất khẩu tăng không liên tục.
B. Sản lượng cà phê nhân và khối lượng cà phê xuất khẩu tăng liên tục.
C. Sản lượng cà phê nhân tăng không liên tục, khối lượng cà phê xuất khẩu tăng liên tục.
D. Sản lượng cà phê nhân tăng liên tục, khối lượng cà phê xuất khẩu tăng không liên tục.

Câu 53. Đặc điểm đô thị hóa ở nước ta là

- A. quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh. B. trình độ đô thị hóa thấp.
C. tỉ lệ dân thành thị giảm. D. phân bố đô thị đều giữa các vùng.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Cầu thuộc hệ thống sông nào sau đây?

- A. Sông Hồng. B. Sông Mã. C. Sông Thu Bồn. D. Sông Thái Bình.

Câu 55. Nhận định nào sau đây **không** đúng về đặc điểm dân cư và xã hội của châu Phi?

- A. Dân số tăng nhanh. B. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên cao.
C. Nhiều người nhiễm HIV nhất trên thế giới. D. Tỉ lệ dân thành thị cao.

Câu 56. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất nước ta. B. Có thể mạnh phát triển thủy điện.
C. Dân cư tập trung đông, mật độ dân số cao. D. Có thể mạnh phát triển chăn nuôi gia súc.

Câu 57. Ý nghĩa của các đảo và quần đảo đối với an ninh quốc phòng nước ta là

- A. thuận lợi cho phát triển giao thông vận tải biển. B. là hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền.
C. tài nguyên hải sản phong phú. D. có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch.

Câu 58. Cho bảng số liệu :

SỐ KHÁCH DU LỊCH QUỐC TẾ ĐẾN MỘT SỐ KHU VỰC Ở CHÂU Á

(Đơn vị : Nghìn tỉ đồng)

Khu vực	2003	2014
Đông Á	67230	125966
Đông Nam Á	38468	97262
Tây Nam Á	41394	93016

(Nguồn: Số liệu thống kê về Việt Nam và thế giới, NXBGD Việt Nam, 2017)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tình hình du lịch ở một số khu vực của châu Á?

- A. Lượng khách du lịch đến khu vực Đông Nam Á tăng nhanh nhất.
B. Lượng khách du lịch đến khu vực Đông Á tăng nhanh nhất.
C. Lượng khách du lịch đến khu vực Đông Á tăng chậm nhất.
D. Lượng khách du lịch đến khu vực Đông Á luôn nhiều nhất.

Câu 59. Lãnh thổ Hoa Kỳ nằm giữa hai đại dương nào sau đây?

- A. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. B. Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. C. Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương. D. Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương. **Câu**

60. Bộ phận nào sau đây của vùng biển nước ta được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền? A. Nội thủy. B. Vùng tiếp giáp lãnh hải. C. Lãnh hải. D. Vùng đặc quyền về kinh tế.

Câu 61. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết vùng nào sau đây trồng nhiều cây cà phê nhất nước ta?

- A. Đông Nam Bộ. B. Tây Nguyên. C. Trung du miền núi Bắc Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 62. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây có ý nghĩa quốc gia?

- A. Hạ Long. B. Đà Lạt. C. Huế. D. Vũng Tàu.

Câu 63. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết tỉnh (thành phố) nào sau đây **không** thuộc vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung?

- A. Đà Nẵng. B. Phú Yên. C. Bình Định. D. Quảng Nam.

Câu 64. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh Thái Nguyên nằm trong vùng kinh tế nào sau đây?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Đông Nam Bộ. C. Đồng bằng sông Hồng. D. Bắc Trung Bộ.

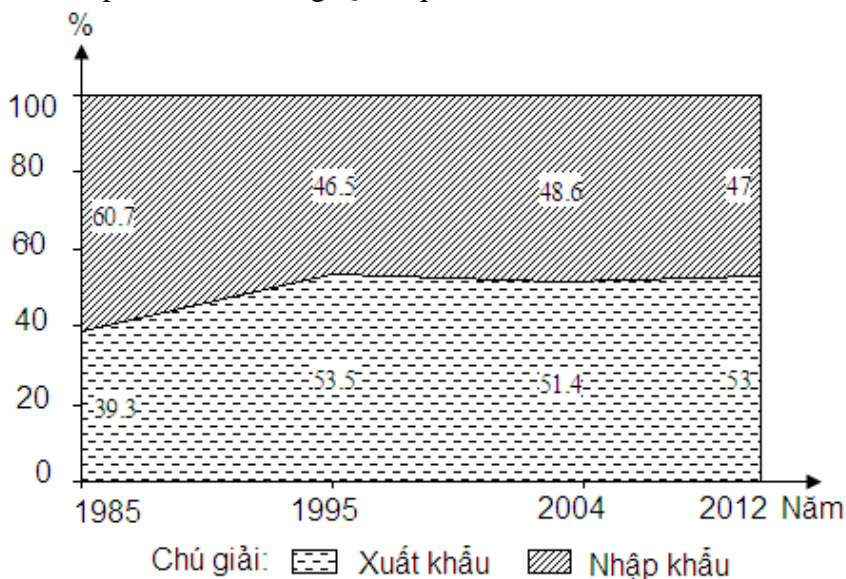
Câu 65. Điều kiện thuận lợi nhất cho khai thác thủy sản xa bờ ở nước ta là có

- A. bốn ngư trường trọng điểm. B. nhiều bãi tôm, bãi cá. C. nhiều cảng cá. D. nhiều đảo ven bờ.

Câu 66. Ý nào sau đây phản ánh **không** đúng về sự phát triển của ngành chăn nuôi nước ta?

- A. Tỷ trọng ngành chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng lên. B. Ngành chăn nuôi đang tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa. C. Chăn nuôi trang trại theo hình thức công nghiệp được đẩy mạnh ở nhiều nơi. D. Trong giá trị sản xuất ngành chăn nuôi, các sản phẩm không qua giết thịt tỷ trọng giảm mạnh.

Câu 67. Cho biểu đồ về xuất, nhập khẩu của Trung Quốc qua các năm:



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc qua các năm. B. Sự chuyển dịch cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc qua các năm. C. Quy mô và cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc qua các năm. D. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc qua các năm.

Câu 68. Vùng nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng đều có

- A. đất phù sa màu mỡ, nhiệt ẩm dồi dào. B. mùa đông lạnh, mùa hạ nóng. C. đất phù sa không được bồi đắp hàng năm lớn. D. đất phèn, đất mặn chiếm diện tích lớn.

Câu 69. Việc trồng rừng ven biển ở Bắc Trung Bộ có vai trò quan trọng là

- A. chống xói mòn, rửa trôi đất. B. chắn gió, bão, ngăn cát bay, cát chảy.
 C. điều hòa nguồn nước ngầm. D. hạn chế tác hại của lũ trên các hệ thống sông.

Câu 70. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng xâm nhập mặn diễn ra hàng năm ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. diện tích rừng ngập mặn giảm. B. mùa khô kéo dài và sâu sắc.
 C. không có đê bao quanh. D. có nhiều cửa sông đổ ra biển.

Câu 71. Ở Nhật Bản, việc duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng có tác dụng quan trọng nhất là

- A. giải quyết được nguồn nguyên liệu dư thừa của công nghiệp.
 B. phát huy được tất cả các tiềm lực kinh tế phù hợp với điều kiện đất nước.
 C. các xí nghiệp nhỏ sẽ được các xí nghiệp lớn hỗ trợ về nguyên liệu.
 D. giải quyết được lao động dư thừa ở nông thôn.

Câu 72. Để thu hút nguồn vốn đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp, Trung Quốc đã tiến hành

- A. thành lập các đặc khu kinh tế, khu chế xuất. B. tư nhân hóa, thực hiện cơ chế thị trường.
 C. cải cách ruộng đất. D. chuyển từ nền kinh tế chỉ huy sang nền kinh tế thị trường.

Câu 73. Trong phát triển nông nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ, thủy lợi có ý nghĩa hàng đầu do

- A. cây công nghiệp cần rất nhiều nước tưới. B. địa hình dốc, hay có lũ lụt.
 C. diện tích đất ngập mặn lớn khi thủy triều lên. D. có mùa khô sâu sắc, mùa mưa một số nơi ngập úng.

Câu 74. Vấn đề có ý nghĩa cấp bách trong việc phát triển nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ hiện nay là

- A. hạn chế nuôi trồng để bảo vệ môi trường ven biển.
 B. giảm việc khai thác để duy trì trữ lượng hải sản.
 C. khai thác hợp lí và bảo vệ nguồn lợi.
 D. không khai thác ven bờ, chỉ khai thác xa bờ.

Câu 75. Nhận định nào sau đây đúng với sản xuất cây công nghiệp ở Tây Nguyên?

- A. Diện tích trồng cây công nghiệp đang có xu hướng giảm nhanh.
 B. Là vùng trồng cao su và chè lớn nhất cả nước.
 C. Chủ yếu là cây nhiệt đới, ngoài ra còn có một số cây cận nhiệt đới.
 D. Chủ yếu là cây hàng năm, ngoài ra còn có một số cây lâu năm.

Câu 76. Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY
 CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1990 – 2014**

(Đơn vị: Nghìn ha)

Nhóm cây	1990	2000	2010	2014
Tổng số	9040,0	12644,3	14061,1	14804,1
Cây lương thực	6474,6	8399,1	8615,9	8992,3
Cây công nghiệp	1199,3	2229,4	2808,1	2844,6
Cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác	1366,1	2015,8	2637,1	2967,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Để thể hiện cơ cấu diện tích cây trồng phân theo nhóm cây của nước ta theo bảng số liệu trên, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Tròn. C. Kết hợp. D. Miền.

Câu 77. Một trong những cơ sở thuận lợi để các quốc gia khu vực Đông Nam Á hợp tác và cùng phát triển là có sự tương đồng về

- A. phong tục, tập quán và văn hóa. B. trình độ phát triển kinh tế.
 C. tài nguyên khoáng sản. D. dân số và lực lượng lao động.

Câu 78. Ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nước ta phát triển chủ yếu dựa vào

- A. mạng lưới giao thông vận tải thuận lợi. B. vị trí nằm gần các trung tâm công nghiệp.
 C. đội ngũ lao động có trình độ cao. D. nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.

Câu 79. Tây Nguyên có thể phát triển được cây chè là do

- A. đất badan màu mỡ, diện tích rộng. B. có các cao nguyên cao trên 1000m khí hậu mát mẻ.
 C. không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc. D. có nguồn nước phong phú.

Câu 80. Biểu hiện nào sau đây thể hiện rõ nhất sự phát triển của ngành du lịch ở nước ta hiện nay?

- A. Đã hình thành các trung tâm du lịch. B. Lao động trong ngành du lịch tăng lên.
 C. Cơ sở vật chất ngày càng hoàn thiện. D. Số lượt khách và doanh thu từ du lịch tăng nhanh.

----- **HẾT** -----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành.

SỞ GD&ĐT BẮC NINH

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2018 – LẦN 2

Môn: ĐỊA LÝ

Thời gian làm bài 50 phút, không kể thời gian giao đề.

MÃ ĐỀ: 401

Họ, tên thí sinh:.....Số báo danh

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
41	B	51	B	61	B	71	B
42	A	52	C	62	C	72	A
43	A	53	B	63	B	73	D
44	C	54	D	64	A	74	C
45	C	55	D	65	A	75	C
46	B	56	C	66	D	76	D
47	C	57	B	67	B	77	A
48	C	58	B	68	A	78	D
49	C	59	B	69	B	79	B
50	C	60	A	70	B	80	D